

VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ NHẤT (1914 – 1918)

I – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Học xong bài này, HS :

1. Về kiến thức

Cần nhận thức được :

- Những thủ đoạn của chính quyền thực dân ở Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất – cuộc chiến tranh mà Pháp tham gia.
- Những biến động về kinh tế – xã hội Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Phong trào yêu nước chống Pháp phát triển trong thời gian chiến tranh.

2. Về kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng xem xét các sự kiện lịch sử, rút ra được ý nghĩa của nó.
- Biết sử dụng, khai thác các tranh, ảnh lịch sử.

3. Về thái độ

- Nhận thấy, trong cuộc đấu tranh của dân tộc, một bộ phận người Việt Nam đi lính cho Pháp đã giác ngộ, quay súng chống lại Pháp.
- Được giáo dục lòng yêu nước, căm thù giặc, có quyết tâm giữ vững nền độc lập tự do của Tổ quốc.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LUU Ý

- Thủ đoạn của thực dân Pháp đối với Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất : tăng cường vơ vét sức của, sức người, tập trung quyền lực vào tay chúng, thương thuyết với Chính phủ Trung Hoa để đàn áp cách mạng Việt Nam.
- Những biến động về kinh tế – xã hội ở Việt Nam giai đoạn 1914 – 1918.

- Phong trào yêu nước chống Pháp diễn ra liên tục, trên phạm vi cả nước, từ miền xuôi đến miền ngược.

III – THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY – HỌC

Ở bài này, GV cần chuẩn bị :

- Một số tranh, ảnh lịch sử có liên quan đến nội dung bài học.
- Tài liệu đọc thêm về lịch sử Việt Nam giai đoạn 1914 – 1918.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài mới

Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, Pháp tham chiến, chính sách cai trị thời chiến của Pháp thể hiện rõ hơn mối quan hệ giữa thuộc địa với chính quốc, Việt Nam với Pháp.

2. Dạy và học bài mới

Mục I – Tình hình kinh tế – xã hội Việt Nam trong những năm chiến tranh

1. Chính sách cai trị thời chiến của Pháp

Ở mục này, GV cần làm rõ chính sách cai trị phục vụ cho chiến tranh của Pháp.

- Trong những năm chiến tranh, thực dân Pháp nới rộng quyền hạn cho chính quyền Nam triều, củng cố hệ thống quan lại ở Bắc Kì, mà quyền hành tập trung vào tay Thống sứ người Pháp ; mở rộng thương thuyết với Chính phủ Trung Hoa để phối hợp đàn áp cách mạng Việt Nam.

- Chính sách cai trị thời chiến để huy động tối đa sức của, sức người ở Việt Nam để phục vụ cho chiến tranh.

2. Những biến động về kinh tế

Mục này, GV cần tập trung vào các nội dung sau :

- Toàn quyền Đông Dương tuyên bố : Việt Nam phải có nghĩa vụ đóng góp sức của, sức người phục vụ cho "nước mẹ" tham chiến.

- Chính quyền thực dân cố gắng khôi phục, duy trì, mở rộng nhiều cơ sở công nghiệp để bù đắp cho công nghiệp chính quốc ; phục hồi các ngành phục vụ trực tiếp cho chiến tranh.

– Do chiến tranh, các cơ sở sản xuất, buôn bán, giao thông vận tải của người Việt Nam được củng cố, mở rộng và xuất hiện nhiều cơ sở mới.

3. Tình hình phân hoá các giai cấp xã hội

Ở mục này, GV cần làm rõ :

- Sự kiệt quệ, bần cùng của nông dân trong thời kì Chiến tranh thế giới thứ nhất.
- Giai cấp công nhân tăng nhanh về số lượng.
- Tư sản Việt Nam phát triển cả về số lượng và thế lực kinh tế.
- Tầng lớp tiểu tư sản thành thị phát triển nhưng họ cũng bị chèn ép, bắc đai, nguy cơ thất nghiệp đe doạ.

Mục II – Phong trào yêu nước trong những năm chiến tranh

1. Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội

Ở mục này, GV cần nêu :

- Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ, Việt Nam Quang phục hội hoạt động trở lại.
- Việt Nam Quang phục hội có kế hoạch liên kết với binh lính người Việt ở Hà Nội để đánh thành, nhưng bị thất bại.
- Việt Nam Quang phục hội đã tiến hành một số cuộc bạo động như tấn công binh lính Pháp ở tỉnh lỵ Phú Thọ, Bắc Giang ; phối hợp với tù nhân ở Lao Bảo khởi nghĩa, nhưng cuối cùng thất bại.

2. Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916)

GV nêu các ý sau :

- Lợi dụng sự phản ứng của binh lính người Việt và nhân dân Quảng Nam, Quảng Ngãi, Huế đối với chính quyền thực dân, Thái Phiên và Trần Cao Vân đã vận động họ tiến hành khởi nghĩa.

– Việc chuẩn bị khởi nghĩa có nhiều sơ hở, kế hoạch bị lộ, thực dân Pháp kịp thời đối phó... nên khởi nghĩa không thành.

3. Khởi nghĩa của binh lính ở Thái Nguyên (1917)

Cần trình bày các ý sau :

- Mối quan hệ giữa tù chính trị bị giam ở Thái Nguyên và binh lính yêu nước đã tạo điều kiện dẫn đến khởi nghĩa.

– Lãnh đạo khởi nghĩa là Trịnh Văn Cán (Đội Cán) – một binh sĩ yêu nước và Lương Ngọc Quyến (Uỷ viên quân sự Việt Nam Quang phục hội) đang bị giam ở nhà tù Thái Nguyên.

– Khởi nghĩa giành được thắng lợi bước đầu, nghĩa quân phát triển nhanh chóng, lực lượng đã lên tới 600 người.

– Thực dân Pháp đã tập trung 2000 quân, có pháo binh, xe thiết giáp để đàn áp. Lương Ngọc Quyến hi sinh khi đang chỉ huy chiến đấu ; nghĩa quân phải rút khỏi thị xã Thái Nguyên, di chuyển trong nhiều tỉnh nhưng lực lượng suy yếu dần. Đội Cán tự sát ngày 11 – 1 – 1918 để giữ trọn khí tiết. Khởi nghĩa thất bại.

– Khởi nghĩa Thái Nguyên một lần nữa cho chúng ta thấy tinh thần yêu nước của những người nông dân mặc áo lính trong quân đội Pháp.

4. Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc thiểu số

Cần cho HS nắm được :

Phong trào chống Pháp trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất không chỉ diễn ra ở đô thị, đồng bằng mà còn diễn ra ở nhiều vùng rừng núi, với sự tham gia của đồng bào các dân tộc thiểu số, tiêu biểu là : khởi nghĩa của người Thái ở Tây Bắc (1914 – 1916), khởi nghĩa của đồng bào Mông ở Lai Châu (1918 – 1922), cuộc nổi dậy của binh lính đồn Bình Liêu ở Quảng Ninh (1918) và cuộc nổi dậy của đồng bào Mnông ở Tây Nguyên (1912 – 1935).

5. Phong trào hội kín ở Nam Kì

Nêu các ý :

– Phong trào yêu nước của nhân dân tồn tại trong các tổ chức hội kín là nét riêng của Nam Kì.

– Phong trào Hội kín ở Nam Kì phát triển nhanh trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất, đặc biệt là ở các tỉnh Biên Hoà, Bến Tre, Châu Đốc.

– Thành phần tham gia đông nhất là nông dân và dân nghèo thành thị.

– Hoạt động tiêu biểu, gây tiếng vang lớn trong phong trào Hội kín ở Nam Kì là cuộc đột nhập vào Sài Gòn để giải thoát cho Phan Xích Long, người mà họ tôn làm hoàng đế.

Sau sự kiện đó, thực dân Pháp thắng tay đàn áp, nhiều người bị bắt, 40 người bị tử hình, các hội kín dần dần tan rã.

3. Sơ kết bài học

GV lưu ý HS, phong trào chống Pháp diễn ra liên tục, chủ yếu là các cuộc khởi nghĩa. Qua đó, GV chốt lại những ý chính để HS thấy được tinh thần dân tộc của một bộ phận nông dân Việt Nam mặc áo lính trong quân đội Pháp.

Phong trào tuy thất bại nhưng nó đã thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân ta. Trong Báo cáo về Bắc Kì, Trung Kì và Nam Kì gửi Quốc tế Cộng sản, năm 1924, Nguyễn Ái Quốc đã viết : "Chủ nghĩa dân tộc là một động lực lớn của đất nước. Chính nó đã gây nên cuộc nổi dậy chống thuế năm 1908, nó dạy cho những người culi biết phản đối, nó làm cho những người "nhà quê" phản đối ngầm trước thuế tạp dịch và thuế muối. Chủ nghĩa dân tộc luôn luôn thúc đẩy các nhà buôn An Nam cạnh tranh với người Pháp và người Trung Quốc, nó đã thúc giục thanh niên bãi khoá, làm cho những nhà cách mạng trốn sang Nhật Bản và làm cho vua Duy Tân mưu tính khởi nghĩa năm 1917"⁽¹⁾.

4. Gợi ý trả lời câu hỏi và bài tập cuối bài

GV sử dụng các câu hỏi trong bài để gợi ý cho HS suy nghĩ, sử dụng SGK để trả lời .

V – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Vua Duy Tân

"Vua Thành Thái không phục Pháp, chống Pháp nên bị phế truất năm 1907, thực dân Pháp đưa Vĩnh San, con của vua Thành Thái, mới 8 tuổi lên ngôi, lấy hiệu là Duy Tân, để dễ bề sai khiến. Nhưng Duy Tân cũng là ông vua có tư tưởng chống Pháp. Ông đã cùng với Thái Phiên, Trần Cao Vân – các hội viên của Việt Nam Quang phục hội chủ trương khởi nghĩa nhưng thất bại. Trần Cao Vân, Thái Phiên bị tử hình, còn vua Duy Tân bị đày đi đảo Rê-uy-ni-ông (Reunion) trên Ấn Độ Dương, vùng Nam châu Phi.

Vua Duy Tân là người giỏi tiếng Pháp, ham học hỏi. Ông lại là nghệ sĩ nhiếp ảnh, ảnh của ông đã từng đoạt giải Viện Hàn lâm khoa học nghệ thuật. Cựu hoàng còn giỏi văn chương, hay làm thơ, viết tuỳ bút, phê bình văn học. Những năng khiếu về nghệ thuật và văn chương đã đưa ông vào làm hội viên Hội đồng những nhà khoa học, văn chương và nghệ thuật của đảo Rê-uy-ni-ông. Ông say mê

(1) Theo : Hồ Chí Minh. *Toàn tập*, Tập 1, NXB Chính trị Quốc gia , H., 1995, tr. 446.

và có biệt tài trong lĩnh vực vô tuyến điện. Nhiều máy vô tuyến điện, đài thu phát tin đầu tiên trên đảo do ông lắp ráp.

Cựu hoàng Duy Tân là một ông hoàng triều Nguyễn ham học hỏi, ham hiểu biết, nhất là về văn minh phương Tây. Ông không chỉ được người đời ngưỡng mộ về tri thức mà còn kính phục bởi lề trang bị kiến thức để phục vụ đất nước, phục vụ công cuộc đổi mới như ông đã lấy hai chữ Duy Tân làm niêm hiệu.

Tâm lòng yêu nước của Hoàng đế Duy Tân đã dẫn đến cái chết mờ ám của ông trên bầu trời châu Phi hồi cuối năm 1945".

(Theo : Nguyễn Đắc Xuân, *Những bí ẩn về Hoàng đế Duy Tân*,
NXB Thuận Hoá, Huế, 1997)

Lương Ngọc Quyến (1885 – 1917) tức là Lương Lập Nham, con thứ của Lương Văn Can, người làng Nhị Khê, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

Lương Ngọc Quyến sang Nhật năm 1905 rồi sang Trung Quốc. Ông theo học ở các trường quân sự và giữ chức Ủy viên quân sự trong Ban Chấp hành của Việt Nam Quang phục hội, sau đó ông về Nam Kì gây dựng cơ sở cách mạng. Năm 1914, bị bọn tay sai của Pháp chỉ điểm, ông phải trốn sang Hương Cảng rồi bị mật thám Anh bắt giao cho Pháp, giải về nước giam ở nhà lao Thái Nguyên. Ở đây, ông đã giác ngộ được Đội Cấn và binh lính, tổ chức cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên (8 – 1917). Trong khi chỉ huy nghĩa quân chiến đấu bảo vệ tỉnh lỵ Thái Nguyên, ông bị trúng đạn đại bác và hi sinh (5 – 9 – 1917).